BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
Số: 06/MYH27/VHU/LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2026

LỊCH THI KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ TĂNG CƯỜNG, NĂM HỌC 2025-2026 (KỲ THI PHỤ)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
1	253INT498101	An toàn mạng không dây và di động	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Hồ Nhựt Minh (60390)
2	253INT32501	An toàn mạng máy tính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	8	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Nguyễn Minh Thi (60151)
3	253INT32801	An toàn mạng máy tính nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Dương Trọng Khang (60775)
4	253BIO31301	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Phạm Thị Hải Hà (61524)
5	253LIT42402	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Báo cáo	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
6	253PUR42311	Báo in và báo trực tuyến	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thị Lợi (10006)
7	253INT440901	Bảo mật web và ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Phương Trang (60386)
8	253ENG49501	Biên phiên dịch - Upper-Intermediate	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	7	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Mai Thị Thúy Phượng (60563)
9	253JAP40101	Biên phiên Nhật Việt - Việt Nhật	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	5	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
10	253SOS20406	Các vấn đề xã hội đương đại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)
11	253INT32101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	14	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Lương Thái Hiền (01005)
12	253INT32104	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	10	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Lương Thái Hiền (01005)
13	253INT32107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Lương Thái Hiền (01005)
14	253INT32113	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Trần Thanh Tú (60674)
15	253INT32116	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Dương Quang Triết (60165)
16	253INT32122	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3,00	Đại học	Liên thông chính quy (TC - ĐH)	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Trần Thanh Tú (60674)
17	253NUR44601	Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Văn Dừa (61678)
18	253NUR44602	Chăm sóc sức khỏe bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Văn Dừa (61678)
19	253NUR44001	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe tâm thần	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Sáu (61319)
20	253NUR44002	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và sức khỏe tâm thần	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Sáu (61319)
21	253POL10701	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	24	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
22	253POL10702	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
23	253POL10703	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	18	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đinh Công Thanh Tùng (60581)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
24	253POL10704	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
25	253POL10705	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
26	253POL10706	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
27	253POL10707	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
28	253POL10708	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
29	253POL10709	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
30	253POL10710	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
31	253POL10711	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
32	253POL10712	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Đinh Công Thanh Tùng (60581)
33	253POL10713	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Huỳnh Văn Giàu (05050)
34	253POL10714	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Huỳnh Văn Giàu (05050)
35	253POL10715	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Huỳnh Văn Giàu (05050)
36	253POL10716	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Huỳnh Văn Giàu (05050)
37	253POL10717	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Huỳnh Văn Giàu (05050)
38	253POL10718	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Huỳnh Văn Giàu (05050)
39	253POL10719	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	19	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT004	Nguyễn Thị Thanh Phúc (60742)
40	253POL10720	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thị Thanh Phúc (60742)
41	253POL10721	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
42	253POL10722	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
43	253POL10723	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thị Chuẩn (60431)
44	253POL10724	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	18	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Hồ Ngọc Vinh (60899)
45	253POL10725	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Hồ Ngọc Vinh (60899)
46	253COE31201	Cơ học đất	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	1	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Nguyễn Anh Tuấn (61735)
47	253INT31401	Cơ sở dữ liệu	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	10	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
48	253INT412101	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	16	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Lương Thái Hiền (01005)
49	253FOT42401	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Phạm Thị Hồng Loan (60723)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
50	253FOT44001	Công nghệ chế biến lương thực	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	9	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Huỳnh Thành Đạt (60724)
51	253FOT43801	Công nghệ chế biến rau quả	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Huỳnh Thành Đạt (60724)
52	253FOT42601	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Huỳnh Thành Đạt (60724)
53	253FOT43401	Công nghệ sau thu hoạch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	9	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Huỳnh Thành Đạt (60724)
54	253PUR30601	Đạo đức nghề nghiệp PR	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Thị Hương (04042)
55	253PUR30608	Đạo đức nghề nghiệp PR	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Thị Hương (04042)
56	253CHI45301	Đất nước học Trung Quốc	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH106	Trương Tư Triển (60286)
57	253CHI45303	Đất nước học Trung Quốc	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH106	Trương Tư Triển (60286)
58	253CHI45305	Đất nước học Trung Quốc	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH106	Trương Tư Triển (60286)
59	253INT20101	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Tống Minh Đạt (61282)
60	253INT20102	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	15	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Tống Minh Đạt (61282)
61	253INT20103	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	12	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
62	253INT20104	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
63	253INT20105	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	19	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Huỳnh Thị Châu Ái (01019)
64	253INT20106	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đỗ Đình Trang (01011)
65	253INT20107	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Đỗ Đình Trang (01011)
66	253INT20108	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
67	253COE30301	Địa chất công trình	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Võ Nhật Luân (61034)
68	253VIE43201	Địa lý Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
69	253INT413101	Điện toán đám mây	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Nguyễn Minh Thi (60151)
70	253LOG41401	Điều độ trong chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH106	Trần Nguyễn Thanh Bình (61543)
71	253NUR41501	Dinh dưỡng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	4	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Hà Trần Nhật Linh (61703)
72	253NUR41502	Dinh dưỡng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Nhữ Thị Thúy (61317)
73	253FIN40701	Định giá doanh nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Trần Mạnh Trí (60424)
74	253SOS20501	Giao tiếp đa văn hóa	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	23	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thành Đạt (61532)
75	253SOS20502	Giao tiếp đa văn hóa	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	10	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thành Đạt (61532)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
76	253SOS20503	Giao tiếp đa văn hóa	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	12	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thành Đạt (61532)
77	253CHI42301	Giao tiếp thương mại cơ bản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
78	253CHI42302	Giao tiếp thương mại cơ bản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	18	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
79	253CHI42401	Giao tiếp thương mại nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	11	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
80	253CHI42402	Giao tiếp thương mại nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
81	253ORI30701	Hán tự học tổng hợp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Nguyễn Công Nguyên (25084)
82	253BUS41701	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	13	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Phạm Phương Mai (02011)
83	253BUS41702	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	13	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Phạm Phương Mai (02011)
84	253BUS41703	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	9	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Phạm Phương Mai (02011)
85	253BUS41704	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	19	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Phạm Thị Diễm (07039)
86	253BUS41705	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	13	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Phạm Thị Diễm (07039)
87	253BUS41706	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	19	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Phạm Phương Mai (02011)
88	253BUS41707	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	12	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Phạm Phương Mai (02011)
89	253BUS41708	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Mai Thị Hồng Đào (02109)
90	253BUS41709	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	1	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Mai Thị Hồng Đào (02109)
91	253BUS41710	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Phạm Thị Diễm (07039)
92	253BUS41711	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	7	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Mai Thị Hồng Đào (02109)
93	253BUS41712	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Mai Thị Hồng Đào (02109)
94	253BUS41713	Hành vi tổ chức	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tự luận 75	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BPH107	Phùng Thị Quỳnh (61744)
95	253INT440301	Hệ điều hành Linux	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Hồ Văn Ngọc (01028)
96	253INT440801	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Đặng Văn Lực (60719)
97	253INT440804	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	11	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Nguyễn Bạch Thanh Tùng (60440)
98	253LOG41601	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Nguyễn Thái Bình (61546)
99	253ENG34101	Hình thái - Cú pháp học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	8	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
100	253ENG34103	Hình thái - Cú pháp học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	7	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
101	253NUR20501	Hóa học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	3	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Minh Tùng (61147)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
102	253NUR20502	Hóa học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Minh Tùng (61147)
103	253NUR20503	Hóa học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Nguyễn Minh Tùng (61147)
104	253NAS30901	Hóa sinh đại cương	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Phạm Thị Hải Hà (61524)
105	253SOS30401	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	11	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Phan Thị Hải Yến (60888)
106	253SOS30402	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	15	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Phan Thị Hải Yến (60888)
107	253SOS30403	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	10	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
108	253SOS30404	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	3	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Lê Trần Quang Khang (61421)
109	253SOS30406	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	1	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Lê Quang Thái (61367)
110	253SOS30407	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	2	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Lê Quang Thái (61367)
111	253SOS30408	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 90	1	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Nguyễn Thanh Tinh (61666)
112	253CHI45401	HSK cao cấp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Nguyễn Xuân Long (61687)
113	253CHI45403	HSK cao cấp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Nguyễn Xuân Long (61687)
114	253ACC43801	Kế toán chi phí	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	24	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Võ Tấn Liêm (60142)
115	253ACC43803	Kế toán chi phí	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	19	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Võ Tấn Liêm (60142)
116	253ACC40601	Kế toán hành chính sự nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	15	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Dương Thị Huyền Trân (60698)
117	253ACC40602	Kế toán hành chính sự nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	5	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Dương Thị Huyền Trân (60698)
118	253ACC42501	Kế toán ngân hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	8	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Thành Long (02038)
119	253ACC42502	Kế toán ngân hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	9	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	BPH009	Nguyễn Thành Long (02038)
120	253ACC42503	Kế toán ngân hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	15	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Phan Thị Lan Phương (60519)
121	253ACC42504	Kế toán ngân hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	18	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	BPH009	Phan Thị Lan Phương (60519)
122	253ACC40901	Kế toán quản trị	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	12	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH103	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
123	253ACC40902	Kế toán quản trị	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	11	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH103	Nguyễn Đức Hải (06003)
124	253ACC40903	Kế toán quản trị	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH103	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
125	253ACC43501	Kế toán tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	11	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
126	253ACC43503	Kế toán tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	14	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
127	253ACC43701	Kế toán tài chính chuyên sâu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	17	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
128	253ACC43601	Kế toán tài chính nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	21	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BPH009	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
129	253ACC43603	Kế toán tài chính nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	6	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BPH009	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
130	253ACC43101	Kế toán xuất nhập khẩu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	8	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Doanh Thị Ngân Hà (60776)
131	253COE40201	Kết cấu bê tông cốt thép	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	2	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Nguyễn Bá Khanh (61677)
132	253INT418101	Khai phá dữ liệu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Lê Hồng Danh (28007)
133	253TRA40701	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	9	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Trần Thanh Tuấn (61167)
134	253TRA40702	Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	3	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Nguyễn Thành Đạt (61532)
135	253LOG41901	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	9	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Nguyễn Thái Bình (61546)
136	253ACC44101	Kiểm toán báo cáo tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Tấn Quang (60783)
137	253ACC41201	Kiểm toán căn bản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
138	253ACC41301	Kiểm toán nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	9	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH103	Nguyễn Tấn Quang (60783)
139	253ACC41302	Kiểm toán nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	16	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH103	Nguyễn Tấn Quang (60783)
140	253POL10601	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	17	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
141	253POL10602	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	9	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Huỳnh Văn Giàu (05050)
142	253POL10603	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	10	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Đoàn Thị Huế (05049)
143	253POL10604	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Đoàn Thị Huế (05049)
144	253POL10605	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	11	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
145	253POL10606	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
146	253POL10607	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
147	253POL10608	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
148	253POL10609	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
149	253POL10610	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	1	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Nguyễn Thị Bích Hạnh (61707)
150	253POL10611	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
151	253POL10612	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Đoàn Thị Huế (05049)
152	253POL10613	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	9	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thị Bích Hạnh (61707)
153	253POL10614	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	1	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Thị Bích Hạnh (61707)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
154	253POL10615	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
155	253POL10616	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Nguyễn Văn Ngọc (60303)
156	253POL10617	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Đoàn Thị Huế (05049)
157	253POL10618	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	2	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Đoàn Thị Huế (05049)
158	253POL10619	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Đoàn Thị Huế (05049)
159	253POL10620	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Đoàn Thị Huế (05049)
160	253POL10622	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Huỳnh Văn Giàu (05050)
161	253POL10623	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	2	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Huỳnh Văn Giàu (05050)
162	253POL10624	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Văn Khắc Vũ (61407)
163	253POL10625	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Trắc nghiệm	4	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DMT011	Văn Khắc Vũ (61407)
164	253HOS41601	Kinh tế du lịch khách sạn	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	10	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Nguyễn Hà Thanh Bình (60182)
165	253ECO30201	Kinh tế lượng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	19	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Trần Đức Luân (61196)
166	253ECO30202	Kinh tế lượng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	18	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Hoàng Sơn Tùng (60359)
167	253ECO30301	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
168	253ECO30302	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Đoàn Thị Vân (27003)
169	253ECO30303	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Đinh Nguyệt Bích (02147)
170	253ECO30304	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)
171	253ECO30305	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Ngọc Quý (60505)
172	253ECO30306	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	5	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Hồ Cao Việt (02035)
173	253ECO30307	Kinh tế vi mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH008	Hồ Cao Việt (02035)
174	253ECO30401	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	21	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH007	Đoàn Thị Vân (27003)
175	253ECO30402	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	10	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH007	Đoàn Thị Vân (27003)
176	253ECO30403	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
177	253ECO30404	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	9	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH007	Nguyễn Thái Dung (60530)
178	253ECO30405	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	9	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Tuấn Việt (61554)
179	253ECO30406	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
180	253ECO30407	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)
181	253ECO30408	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Hồ Cao Việt (02035)
182	253ECO30409	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	7	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
183	253ECO30410	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	2	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Thái Dung (60530)
184	253ECO30413	Kinh tế vĩ mô	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tự luận 90	3	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Dương Thế Duy (61062)
185	253COE40102	Kinh tế xây dựng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	11	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Võ Nhật Luân (61034)
186	253SOS10101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	14	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Phạm Thu Phượng (25049)
187	253SOS10102	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	10	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Phạm Thu Phượng (25049)
188	253SOS10103	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH011	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
189	253SOS10104	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH011	Phạm Thu Phượng (25049)
190	253SOS10105	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Phạm Thu Phượng (25049)
191	253LAW41701	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	11	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Nguyễn Hữu Thành (60341)
192	253LAW41702	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH108	Tạ Thúc Hoàng (61294)
193	253SKL20201	Kỹ năng hành chính văn phòng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Đình Huy (60767)
194	253SKL20215	Kỹ năng hành chính văn phòng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
195	253SKL20220	Kỹ năng hành chính văn phòng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Hiền (60273)
196	253SKL20223	Kỹ năng hành chính văn phòng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Thu Phượng (25049)
197	253VIE20101	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	4		Thứ Sáu	27/11/2026		Trương Thị Thúy Hằng (04041)
198	253VIE20105	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Đặng Thị Lệ Thương (61464)
199	253VIE20107	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Hồ Văn Quốc (04129)
200	253VIE20109	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Hồ Văn Quốc (04129)
201	253VIE20112	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	8		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
202	253VIE20113	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	3		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
203	253VIE20114	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
204	253LAW41801	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Bùi Thanh Vũ (60848)
205	253LAW50601	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	10	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Nguyễn Hữu Thành (60341)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
206	253FOT43601	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	10	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Lâm Đức Cường (60226)
207	253BIO45201	Kỹ thuật công nghệ sinh học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Huỳnh Đặng Hà Uyên (60254)
208	253INT30501	Kỹ thuật lập trình	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	22	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Cao Hoàng Khải (61279)
209	253INT30502	Kỹ thuật lập trình	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	9	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Cao Hoàng Khải (61279)
210	253INT30503	Kỹ thuật lập trình	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	22	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Cao Hoàng Khải (61279)
211	253CHI35101	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)
212	253CHI35102	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	10	13h30	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Hoàng Văn Cường (25128)
213	253FOT44201	Kỹ thuật sấy	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 90	14	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Trần Phước Nhật Uyên (60246)
214	253FOT30301	Kỹ thuật thực phẩm 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 60	1	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Nguyễn Bùi Hữu Tuấn (61521)
215	253LIT40403	Kỹ thuật tổ chức dạy học Ngữ văn và công tác chủ nhiệm lớp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	7	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Lê Dương Khắc Minh (60387)
216	253INT32401	Lập trình C++	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	4	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Quách Anh Dũng (01014)
217	253INT32407	Lập trình C++	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	2	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Huỳnh Quốc Tuấn (60512)
218	253INT32410	Lập trình C++	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Hồ Văn Ngọc (01028)
219	253INT32416	Lập trình C++	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Trần Thanh Tú (60674)
220	253INT32419	Lập trình C++	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	1	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Trần Thanh Tú (60674)
221	253INT440401	Lập trình C++ nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	15	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Nguyễn Minh Thi (60151)
222	253INT440407	Lập trình C++ nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Nguyễn Minh Thi (60151)
223	253INT440413	Lập trình C++ nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Nguyễn Minh Thi (60151)
224	253INT440601	Lập trình hướng đối tượng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Trần Văn Ngân (61155)
225	253INT32201	Lập trình Java	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	21	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	DPH017	Trần Thanh Tú (60674)
226	253INT440204	Lập trình Java nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Thanh Phong (60650)
227	253INT486101	Lập trình mạng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Cao Hoàng Khải (61279)
228	253LAW42102	Lập và quản lý dự án đầu tư	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tiểu luận	4		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thị Diễm Nga (60890)
229	253POL10801	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	31	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Trịnh Văn Vinh (61018)
230	253POL10802	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	23	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BMT002	Trịnh Văn Vinh (61018)
231	253POL10803	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Trịnh Văn Vinh (61018)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
232	253POL10804	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Trịnh Văn Vinh (61018)
233	253POL10805	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	16	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
234	253POL10806	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	20	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
235	253POL10807	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Trịnh Văn Vinh (61018)
236	253POL10808	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	14	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
237	253POL10809	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
238	253POL10810	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	15	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
239	253POL10811	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT002	Ngô Thị Hân (61218)
240	253POL10812	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	14	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT002	Ngô Thị Hân (61218)
241	253POL10813	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	12	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Ngô Thị Hân (61218)
242	253POL10814	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Ngô Thị Hân (61218)
243	253POL10815	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Ngô Thị Hân (61218)
244	253POL10816	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	20	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
245	253POL10817	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BMT002	Ngô Thị Hân (61218)
246	253POL10818	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Ngô Thị Hân (61218)
247	253POL10819	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Ngô Thị Hân (61218)
248	253POL10820	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	22	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
249	253POL10821	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	21	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
250	253POL10822	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Ngô Thị Hân (61218)
251	253POL10823	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	12	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Trịnh Văn Vinh (61018)
252	253POL10824	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	25	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
253	253POL10825	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	12	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
254	253POL10826	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	DMT011	Ngô Thị Hân (61218)
255	253POL10829	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT010	Trần Đình Thảo (61745)
256	253KOR31901	Lịch sử và văn hóa Hàn Quốc	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Bé Loan (60561)
257	253SOS30101	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	18	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Phan Thị Hải Yến (60888)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
258	253SOS30102	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	13	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH104	Phan Thị Hải Yến (60888)
259	253SOS30103	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	26	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH104	Phan Thị Hải Yến (60888)
260	253SOS30104	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	17	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
261	253SOS30105	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	14	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
262	253SOS30106	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	8	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
263	253SOS30107	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Nguyễn Trọng Minh (61550)
264	253SOS30108	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Nguyễn Trọng Minh (61550)
265	253SOS30109	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	6	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Lê Trần Quang Khang (61421)
266	253SOS30110	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Lê Trần Quang Khang (61421)
267	253SOS30111	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	1	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Lê Trần Quang Khang (61421)
268	253SOS30112	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Lê Trần Quang Khang (61421)
269	253SOS30113	Lịch sử văn minh thế giới	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Lê Trần Quang Khang (61421)
270	253ELE32601	Linh kiện điện tử	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	12	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Hồ Quốc Bảo (60932)
271	253ELE32604	Linh kiện điện tử	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	4	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Đinh Thị Khả Hân (60974)
272	253ELE32607	Linh kiện điện tử	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	14	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)
273	253CHI45501	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Diệp Tuyết Vân (60342)
274	253CHI45502	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Diệp Tuyết Vân (60342)
275	253LAW50301	Luật an sinh xã hội	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	5	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Tạ Thúc Hoàng (61294)
276	253LAW30501	Luật công chứng và chứng thực	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	7	08h00	Thứ Tư	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Vinh Huy (61359)
277	253LAW43001	Luật dân sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	6	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
278	253LAW42401	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	8	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Chu Mạnh Hiển (60357)
279	253LAW42402	Luật dân sự và tố tụng dân sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	1	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Bùi Thanh Vũ (60848)
280	253LAW41301	Luật đất đai	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	12	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Nguyễn Hữu Thành (60341)
281	253LAW41302	Luật đất đai	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Nguyễn Hữu Thành (60341)
282	253LAW41303	Luật đất đai	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Nguyễn Thanh Việt (61331)
283	253LAW40501	Luật doanh nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	10	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Thanh Việt (61331)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
284	253TOU30901	Luật du lịch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	12	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH107	Trịnh Tường Khiêm (60996)
285	253TOU30902	Luật du lịch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	3	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH107	Trịnh Tường Khiêm (60996)
286	253TOU30903	Luật du lịch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	2	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH107	Trịnh Tường Khiêm (60996)
287	253TOU30904	Luật du lịch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tổng hợp	1	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH107	Trịnh Tường Khiêm (60996)
288	253LAW40301	Luật hành chính và tố tụng hành chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	10	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Trần Võ Hữu Chánh (61302)
289	253LAW30401	Luật hiến pháp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	3	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BPH107	Nguyễn Thành Nhất (60543)
290	253LAW40101	Luật hình sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH014	Nguyễn Thuận An (60356)
291	253LAW43201	Luật hôn nhân gia đình	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	9	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Võ Đông Hiếu (61486)
292	253LAW41401	Luật hợp đồng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	18	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Nguyễn Minh Đức (60956)
293	253LAW41402	Luật hợp đồng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	8	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Nguyễn Minh Đức (60956)
294	253PSY45001	Luật lao động	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	7	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Chu Mạnh Hiển (60357)
295	253LAW43901	Luật tài chính	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Huỳnh Minh (61647)
296	253LAW43301	Luật tài sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	10	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Lê Nhật Bảo (61365)
297	253LAW40901	Luật thương mại điện tử	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	11	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
298	253BUS43201	Luật thương mại quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	5	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Trần Kiều Nhi (61019)
299	253LAW43101	Luật tố tụng dân sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH009	Chu Mạnh Hiển (60357)
300	253LAW40201	Luật tố tụng hình sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	4	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH107	Lê Trung Hậu (61488)
301	253LAW40202	Luật tố tụng hình sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	3	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH107	Lê Trung Hậu (61488)
302	253CHI44201	Lý thuyết dịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH107	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
303	253CHI44202	Lý thuyết dịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH107	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
304	253JAP42801	Lý thuyết dịch	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	6	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	Nguyễn Công Nguyên (25084)
305	253FIN30102	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	1	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)
306	253FIN30103	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)
307	253FIN30104	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Trần Nguyễn Kim Ngân (61682)
308	253ELE30801	Mạch điện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	8	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BPH011	Nguyễn Khắc Hoàng (60865)
309	253INT42501	Mạng máy tính	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 60	7	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH111	Tôn Thất Hoài (61098)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
310	253INT440101	Mạng máy tính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	13	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Hồ Văn Ngọc (01028)
311	253INT489101	Mật mã học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	6	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH011	Phan Thành Huấn (60987)
312	253NUR40101	Mô học - Phôi thai học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Trần Thị Huyền (60682)
313	253NUR40102	Mô học - Phôi thai học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Nguyễn Thanh Toàn (61727)
314	253NUR40103	Mô học - Phôi thai học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Lê Thị Kim Chi (60403)
315	253NUR40104	Mô học - Phôi thai học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Lê Thị Kim Chi (60403)
316	253NAS10101	Môi trường và con người	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Lý Liệt Thanh (60747)
317	253NAS10102	Môi trường và con người	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Lý Liệt Thanh (60747)
318	253NAS10104	Môi trường và con người	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trương Thị Thanh Tuyền (03118)
319	253SOS20601	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	20	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH005	Lê Dương Khắc Minh (60387)
320	253SOS20602	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	7	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH005	Lê Dương Khắc Minh (60387)
321	253SOS20603	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	18	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
322	253SOS20604	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	17	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
323	253SOS20605	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	15	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
324	253SOS20606	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
325	253SOS20607	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	7	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
326	253SOS20608	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	5	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
327	253SOS20609	Mỹ học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	11	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Đoàn Trọng Thiều (04002)
328	253ENG33101	Nghe - nói trong thương mại 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	3	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH015	Nguyễn Đài Trang (61285)
329	253ENG33201	Nghe - nói trong thương mại 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	7	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH015	Timothy James Rossiter (60565)
330	253ENG33301	Nghe - nói trong thương mại 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	4	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Đinh Trần Thúy Liễu (61248)
331	253NUR42001	Nghiên cứu khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Trần Vĩnh Tài (60683)
332	253NUR42002	Nghiên cứu khoa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	5	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Trần Vĩnh Tài (60683)
333	253LIT43504	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Hồ Xuân Mai (04110)
334	253SUC40701	Nghiệp vụ hải quan	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	5	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DPH017	Đặng Thị Ngọc Thảo (61736)
335	253TRA30201	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Vấn đáp	16	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH009	Lê Hồng Vương (61024)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
336	253TRA30202	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Vấn đáp	9	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH009	Lê Hồng Vương (61024)
337	253FIN44301	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	14	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Lê Hữu Nghị (61527)
338	253ENG48901	Ngữ âm - Âm vị học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	10	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
339	253JAP43001	Ngữ âm học tiếng Nhật	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	6	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	DPH015	Võ Thị Minh Diễm (61539)
340	253LIT32601	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thùy Nương (60951)
341	253LIT32603	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thùy Nương (60951)
342	253ENG49001	Ngữ nghĩa học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 60	6	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)
343	253ACC20201	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	20	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH006	Nguyễn Đức Hải (06003)
344	253ACC20202	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	16	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH006	Nguyễn Viết Thúy An (60816)
345	253ACC20203	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	14	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH006	Nguyễn Viết Thúy An (60816)
346	253ACC20204	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	25	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH108	Nguyễn Thị Võ Thảo (61724)
347	253ACC20205	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	21	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH108	Nguyễn Thị Võ Thảo (61724)
348	253ACC20206	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	22	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Nguyễn Thị Võ Thảo (61724)
349	253ACC20207	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	17	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH017	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
350	253ACC20208	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	13	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH017	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
351	253ACC20209	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	9	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
352	253ACC20210	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	15	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Nguyễn Thị Võ Thảo (61724)
353	253ACC20211	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	6	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
354	253ACC20212	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	16	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
355	253ACC20213	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	5	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
356	253ACC20214	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	10	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH011	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
357	253ACC20215	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	11	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH012	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
358	253ACC20216	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	8	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH012	Phan Thị Tuyết Trinh (02077)
359	253ACC20217	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	2	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH012	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
360	253ACC20218	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	5	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH012	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
361	253ACC20219	Nguyên lý kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	9	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH012	Phan Thị Trà Mỹ (02139)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
362	253ART23901	Phân tích âm nhạc 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Thực hành	2	09h00	Thứ Tư	25/11/2026	ANV305	Nông Văn Hiếu (60986)
363	253FIN41209	Phân tích báo cáo tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phan Thị Lan Phương (60519)
364	253FIN41211	Phân tích báo cáo tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Trần Phương Giang (60871)
365	253LAW10101	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	17	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Nguyễn Vinh Huy (61359)
366	253LAW10102	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	5	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Lê Thị Lợm (61487)
367	253LAW10103	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Lê Thị Lợm (61487)
368	253LAW10104	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	9	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	BMT006	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
369	253LAW10105	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	3	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
370	253LAW10106	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Trịnh Tường Khiêm (60996)
371	253LAW10107	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	7	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
372	253LAW10108	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	9	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Lý Văn Toán (60804)
373	253LAW10109	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	12	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
374	253LAW10110	Pháp luật đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Trắc nghiệm	3	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DMT010	Nguyễn Ngọc Thùy Anh (61731)
375	253LAW50501	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	5	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Huỳnh Minh (61647)
376	253LAW42002	Pháp luật về cạnh tranh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thanh Việt (61331)
377	253LAW43501	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	11	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	Lê Nhật Bảo (61365)
378	253LAW40601	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	5	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Nguyễn Mạnh Cường (60801)
379	253LAW40602	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	2	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Nguyễn Mạnh Cường (60801)
380	253LAW41201	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	34	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
381	253LAW41202	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 90	18	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	DPH014	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
382	253LAW50401	Pháp luật về thi hành án	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	14	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Huỳnh Minh (61647)
383	253LAW50402	Pháp luật về thi hành án	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	5	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Nguyễn Chí Thân (61265)
384	253LAW43401	Pháp luật về thừa kế	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 60	7	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH012	Võ Thị Bích Nhung (61360)
385	253LAW41001	Pháp luật về thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 75	9	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
386	253LAW41002	Pháp luật về thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 75	3	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
387	253LAW41003	Pháp luật về thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tự luận 75	5	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Nguyễn Dương Phong (61732)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
388	253PUR42101	Pháp luật về truyền thông	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 60	2	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
389	253PUR42102	Pháp luật về truyền thông	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 60	8	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
390	253PUR42103	Pháp luật về truyền thông	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 60	1	09h40	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thành Nhất (60543)
391	253ENG41901	Phát âm	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	5	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Lê Công Minh Tuấn (60419)
392	253JAP43301	Phiên dịch Nhật Việt - Việt Nhật	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	1	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Võ Thị Minh Diễm (61539)
393	253LIT30901	Phong cách học tiếng Việt	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	7	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thế Truyền (04102)
394	253TRA40601	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	14	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH014	Vũ Thị Thu Hương (03112)
395	253TRA40602	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	8	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH014	Trương Đại Lợi (61601)
396	253SKL10104	Phương pháp học đại học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Quốc Hưng (05002)
397	253SKL10108	Phương pháp học đại học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Thị Hải Hà (61524)
398	253BUS30904	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	8		Thứ Sáu	27/11/2026		Ngô Tấn Hiệp (25098)
399	253BUS30905	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Ngô Tấn Hiệp (25098)
400	253BIO31001	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Trắc nghiệm	1	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Đinh Thị Thùy (02162)
401	253SOS30501	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	8	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Phan Thị Hải Yến (60888)
402	253SOS30502	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	12	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Phan Thị Hải Yến (60888)
403	253SOS30503	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	15	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
404	253SOS30504	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	16	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
405	253SOS30505	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Hồng Nhung (60820)
406	253SOS30506	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Phan Thị Hải Yến (60888)
407	253SOS30507	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	3	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Phan Thị Hải Yến (60888)
408	253SOS30508	Quan hệ quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Thanh Tinh (61666)
409	253LOG41701	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	8	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DPH017	Vũ Ngọc Bích (61328)
410	253MAN40907	Quản trị chiến lược	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	5		Thứ Sáu	27/11/2026		Mai Lưu Huy (02116)
411	253TOU41801	Quản trị chiến lược trong du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	5	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH014	Nguyễn Thúy Vy (03119)
412	253TOU41802	Quản trị chiến lược trong du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH014	Dương Thị Loan (60190)
413	253SUC40801	Quản trị chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH009	Nguyễn Văn Thuận (61413)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
414	253MAN20106	Quản trị học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Trần Ngọc Linh (60735)
415	253LOG40201	Quản trị kho hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	4	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DPH017	Đặng Thành Luân (61025)
416	253LOG40202	Quản trị kho hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	4	15h10	Thứ Ba	17/11/2026	DPH017	Đặng Thành Luân (61025)
417	253LOG40101	Quản trị Logistics	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	7	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH107	Phạm Hồ Quỳnh Như (61740)
418	253MAR41803	Quản trị marketing	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kinh tế_TKD	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Minh Xuân Hương (02075)
419	253FIN41401	Quản trị ngân hàng thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	17	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH006	Nguyễn Quốc Huy (02069)
420	253FIN41402	Quản trị ngân hàng thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	12	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH006	Lê Hữu Nghị (61527)
421	253FIN41403	Quản trị ngân hàng thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 90	10	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH006	Lê Hữu Nghị (61527)
422	253HUR40819	Quản trị nhân sự	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Mỹ Xuyên (61603)
423	253MAN41303	Quản trị quan hệ khách hàng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Như Nguyệt (60372)
424	253FIN41501	Quản trị rủi ro tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	12	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Trần Tuấn Anh (60292)
425	253FIN41502	Quản trị rủi ro tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DMT012	Trần Mạnh Trí (60424)
426	253TRA31212	Quản trị sự kiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Du Quốc Đạo (60734)
427	253BUS10205	Quản trị sự thay đổi	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thị Như Quỳnh (61384)
428	253BUS10206	Quản trị sự thay đổi	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thúy Vy (03119)
429	253BUS10208	Quản trị sự thay đổi	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Tô Hồng Gấm (60506)
430	253BUS10209	Quản trị sự thay đổi	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Tô Hồng Gấm (60506)
431	253FIN41702	Quản trị tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Bùi Minh Tiết (61029)
432	253SUC41101	Quản trị thu mua	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH009	Đặng Thành Luân (61025)
433	253LOG41301	Quản trị xếp dỡ	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	19	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH107	Vũ Ngọc Bích (61328)
434	253MAR42205	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị_TKD	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thanh Trâm (60740)
435	253MAR40304	Quảng cáo	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Vũ Thanh Danh (61020)
436	253MAR40306	Quảng cáo	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Vũ Cao Vân Anh (60533)
437	253TRA42401	Quy hoạch du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	27	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH004	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
438	253TRA42402	Quy hoạch du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	14	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH004	Ngô An (03111)
439	253TRA42403	Quy hoạch du lịch	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tự luận 90	4	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH004	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
440	253KOR45401	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Bài tập lớn	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Chểnh Cao Ngọc Linh (25003)
441	253ACC44203	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
442	253FIN41801	Tài chính cá nhân	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	21	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BMT004	Trần Tuấn Anh (60292)
443	253FIN43501	Tài chính doanh nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	24	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Phạm Thị Giang Thùy (05010)
444	253FIN43502	Tài chính doanh nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	10	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Bùi Minh Tiết (61029)
445	253FIN44601	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	6	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Nguyễn Thị Anh (60422)
446	253PSY20101	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	14	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH009	Hoàng Minh Phú (61033)
447	253PSY20102	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH009	Vũ Thị Duyên (61522)
448	253PSY20103	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	3	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH009	Vũ Thị Duyên (61522)
449	253PSY20104	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	7	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH009	Vũ Thị Duyên (61522)
450	253PSY20105	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Vũ Thị Duyên (61522)
451	253PSY20106	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	14	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Phạm Thị Hồng Thái (04014)
452	253PSY20107	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	5	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
453	253PSY20108	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	6	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Vũ Thị Duyên (61522)
454	253PSY20109	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	6	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Vũ Thị Duyên (61522)
455	253PSY20110	Tâm lý học đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	4	15h10	Thứ Tư	25/11/2026	BPH102	Phạm Thị Hồng Thái (04014)
456	253PSY30901	Tâm lý học giao tiếp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	11	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
457	253PSY31201	Tâm lý học phát triển	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	12	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH014	Mai Thị Nguyệt Nga (04016)
458	253PSY31301	Tâm lý học xã hội	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	9	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Bích Thủy (04013)
459	253ECO32701	Thẩm định giá bất động sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	14	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Phạm Tuấn Anh (61397)
460	253ECO32702	Thẩm định giá bất động sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	23	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Phạm Tuấn Anh (61397)
461	253ECO32703	Thẩm định giá bất động sản	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tổng hợp	9	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Lê Minh Phương Mai (61623)
462	253FIN42501	Thẩm định tín dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	16	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BMT006	Võ Tiến Lộc (60423)
463	253PSY45301	Tham vấn học đường	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Phạm Đình Khanh (60468)
464	253FIN42401	Thanh toán quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	21	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)
465	253FIN42402	Thanh toán quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	11	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT012	Nguyễn Thị Thanh Thuận (61333)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
466	253FIN42403	Thanh toán quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	9	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT012	Huỳnh Thành Hưng (61132)
467	253FIN42404	Thanh toán quốc tế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	8	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT012	Huỳnh Thành Hưng (61132)
468	253PUR43005	Thể hiện ý tưởng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
469	253PUR43007	Thể hiện ý tưởng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Dương Khắc Minh (60387)
470	253FIN42701	Thị trường tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
471	253FIN42702	Thị trường tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Quốc Huy (02069)
472	253FIN42704	Thị trường tài chính	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Trương Trung Hiếu (61344)
473	253INT462103	Thiết kế mạng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Lê Hồng Danh (28007)
474	253NAS20301	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	45	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH105	Phan Thanh Mỹ (61329)
475	253NAS20302	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	24	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH108	Phan Thanh Mỹ (61329)
476	253NAS20303	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	21	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH108	Phan Thanh Mỹ (61329)
477	253NAS20304	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	12	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Phan Thanh Mỹ (61329)
478	253NAS20305	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	24	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH008	Hoàng Sơn Tùng (60359)
479	253NAS20306	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	17	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Hoàng Sơn Tùng (60359)
480	253NAS20307	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	17	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
481	253NAS20308	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	6	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Cao Thị Thanh Trúc (02022)
482	253NAS20309	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	16	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Hoàng Sơn Tùng (60359)
483	253NAS20310	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	24	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Hoàng Sơn Tùng (60359)
484	253NAS20311	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	4	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Phan Thanh Mỹ (61329)
485	253NAS20312	Thống kê ứng dụng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Thương mại quốc tế_TKD	Tự luận 90	3	09h40	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Phan Thanh Mỹ (61329)
486	253CHI43001	Thư tín thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 75	15	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Huỳnh Khánh Linh (61576)
487	253CHI43002	Thư tín thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 75	15	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH011	Huỳnh Khánh Linh (61576)
488	253ENG44101	Thư tín thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH005	Đinh Thị Triều Giang (60882)
489	253ENG44102	Thư tín thương mại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH005	Nguyễn Đài Trang (61285)
490	253JAP49101	Thư tín thương mại	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Thái Phương Thảo (61526)
491	253JAP49103	Thư tín thương mại	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	21	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Thái Phương Thảo (61526)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
492	253FIN42801	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	21	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH104	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
493	253FIN42802	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	18	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH104	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
494	253FIN42803	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	18	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
495	253FIN42804	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	10	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Đào Văn Hảo (60784)
496	253FIN42805	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	18	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH105	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
497	253FIN42806	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
498	253FIN42807	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
499	253FIN42808	Thuế	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Trắc nghiệm	13	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH010	Lê Thị Ngọc Thương (60695)
500	253INT42902	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3,00	Đại học	Liên thông chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Năm	26/11/2026	BMT004	Nguyễn Thị Kim Phượng (61684)
501	253LAW41601	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
502	253LAW41602	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
503	253LAW41603	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH110	Trần Nguyễn Phước Thông (61403)
504	253PUR42701	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	8	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH008	Lê Thị Kiều Vân (60832)
505	253PUR42702	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH008	Lê Thị Kiều Vân (60832)
506	253PUR42703	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	10	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH008	Huỳnh Ánh Nga (02013)
507	253PUR42704	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	8	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH008	Huỳnh Ánh Nga (02013)
508	253PUR42705	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	BPH008	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
509	253PUR42706	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	7	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
510	253PUR42707	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Huỳnh Ánh Nga (02013)
511	253PUR42708	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Huỳnh Ánh Nga (02013)
512	253PSY45801	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tổng hợp	9	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH017	Hoàng Minh Phú (61033)
513	253MMC40201	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	7	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
514	253MMC40202	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	8	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
515	253MMC40203	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	8	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
516	253MMC40204	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
517	253MMC40205	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
518	253MMC40206	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	8	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
519	253MMC40207	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	3	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
520	253MMC40208	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tổng hợp	2	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH004	Ngô Thụy Yến Trúc (25017)
521	253ENG32601	Tiếng Anh đọc 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
522	253ENG32701	Tiếng Anh đọc 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Thị Mơ (60472)
523	253ENG32703	Tiếng Anh đọc 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	1	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Thị Mơ (60472)
524	253ENG32705	Tiếng Anh đọc 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)
525	253ENG42802	Tiếng Anh đọc 2	3,00	Đại học	Văn bằng 2 chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	17h50	Thứ Tư	18/11/2026	BMT002	Nguyễn Vũ Anh Duy (60096)
526	253ENG32801	Tiếng Anh đọc 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH110	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
527	253TRA44701	Tiếng Anh du lịch 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	10	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
528	253TRA44702	Tiếng Anh du lịch 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	Nguyễn Thúy Oanh (03063)
529	253TRA44703	Tiếng Anh du lịch 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BPH104	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)
530	253TRA44801	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	4	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	TRỊNH MAI PHƯƠNG (60275)
531	253TRA44802	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Huỳnh Thanh Bình (25063)
532	253TRA44803	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Huỳnh Thanh Bình (25063)
533	253TRA44804	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	2	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Hoàng Tiểu Nga (60478)
534	253TRA44805	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	5	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Hoàng Tiểu Nga (60478)
535	253TRA44806	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Hoàng Tiểu Nga (60478)
536	253TRA44807	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	4	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Hồ Thị Phượng (03067)
537	253TRA44808	Tiếng Anh du lịch 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Tổng hợp	6	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Hồ Thị Phượng (03067)
538	253ENG20101	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	17	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Nguyễn Châu Long (60817)
539	253ENG20102	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Thạch Thị Quách Thi (60666)
540	253ENG20103	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Thạch Thị Quách Thi (60666)
541	253ENG20104	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Nìm Ngọc Yến (25056)
542	253ENG20105	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Hồ Thị Hiếu (61354)
543	253ENG20106	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Hồ Thị Hiếu (61354)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
544	253ENG20107	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH007	Hồ Thị Hiếu (61354)
545	253ENG20108	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Nguyễn Đức Huy (61708), Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)
546	253ENG20109	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)
547	253ENG20110	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Hồ Thị Hiếu (61354)
548	253ENG20111	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
549	253ENG20112	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
550	253ENG20113	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Hoàng Tiểu Nga (60478)
551	253ENG20114	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
552	253ENG20115	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
553	253ENG20116	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
554	253ENG20117	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
555	253ENG20118	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
556	253ENG20119	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Phạm Nguyễn Anh Huy (61709)
557	253ENG20120	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Hồ Thị Hiếu (61354)
558	253ENG20121	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Hồ Thị Hiếu (61354)
559	253ENG20122	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Nguyễn Thị Tấn (25151)
560	253ENG20123	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Nguyễn Thị Tấn (25151)
561	253ENG20124	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
562	253ENG20125	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
563	253ENG20126	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Hồ Thị Hiếu (61354)
564	253ENG20127	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH008	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)
565	253ENG20128	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Nìm Ngọc Yến (25056)
566	253ENG20129	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)
567	253ENG20130	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Lê Nguyễn Thanh Trúc (60705)
568	253ENG20132	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Nguyễn Châu Long (60817)
569	253ENG20133	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Hồ Thị Hiếu (61354)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
570	253ENG20134	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
571	253ENG20135	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
572	253ENG20137	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH013	Lê Thùy Trang (25057), Nguyễn Lê Phương Oanh (60511)
573	253ENG20139	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
574	253ENG20140	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
575	253ENG20143	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	La Thị Hồng Loan (25106)
576	253ENG20145	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Phạm Duy Phương (60717)
577	253ENG20146	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Đào Thị Trường Xuân (60919)
578	253ENG20147	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
579	253ENG20148	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
580	253ENG20151	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
581	253ENG20155	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Lê Thị Ngọc Hạnh (61121)
582	253ENG20156	Tiếng Anh giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Hoàng Tiểu Nga (60478)
583	253ENG20201	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Nìm Ngọc Yến (25056)
584	253ENG20202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Nìm Ngọc Yến (25056)
585	253ENG20203	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Đinh Thị Triều Giang (60882)
586	253ENG20204	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Nguyễn Tiến Huy (60655)
587	253ENG20205	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Nguyễn Tiến Huy (60655)
588	253ENG20206	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Ngô Huệ Nghi (60753)
589	253ENG20207	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Ngô Huệ Nghi (60753)
590	253ENG20208	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH007	Ngô Huệ Nghi (60753)
591	253ENG20209	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Thạch Thị Quách Thi (60666)
592	253ENG20210	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)
593	253ENG20211	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)
594	253ENG20212	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Nguyễn Châu Long (60817)
595	253ENG20213	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Đinh Thị Triều Giang (60882)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
596	253ENG20214	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
597	253ENG20215	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
598	253ENG20216	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
599	253ENG20217	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Lê Thị Thanh Tâm (60737)
600	253ENG20218	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nìm Ngọc Yến (25056)
601	253ENG20219	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nìm Ngọc Yến (25056)
602	253ENG20220	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nìm Ngọc Yến (25056)
603	253ENG20221	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
604	253ENG20222	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
605	253ENG20223	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Phạm Duy Phương (60717)
606	253ENG20224	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	14	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH013	Phạm Duy Phương (60717)
607	253ENG20225	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Phạm Duy Phương (60717)
608	253ENG20226	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Võ Huyền Trinh (61247)
609	253ENG20227	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Võ Huyền Trinh (61247)
610	253ENG20228	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Võ Huyền Trinh (61247)
611	253ENG20229	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Phạm Duy Phương (60717)
612	253ENG20230	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Phạm Duy Phương (60717)
613	253ENG20231	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Nguyễn Thanh Hải (60704)
614	253ENG20232	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH103	Nguyễn Thanh Hải (60704)
615	253ENG20233	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
616	253ENG20234	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Thị Diệu Ngộ (25037)
617	253ENG20235	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	La Thị Hồng Loan (25106)
618	253ENG20236	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Châu Thị Khánh Linh (25045)
619	253ENG20237	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Châu Thị Khánh Linh (25045)
620	253ENG20238	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Nguyễn Thị Tấn (25151)
621	253ENG20239	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Võ Huỳnh Đông Vũ (60491)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
622	253ENG20241	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Châu Thị Khánh Linh (25045)
623	253ENG20242	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Lê Công Minh Tuấn (60419)
624	253ENG20243	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH106	Châu Thục Quyên (61658)
625	253ENG20244	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Phan Thị Miên Thảo (60693)
626	253ENG20245	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Lê Công Minh Tuấn (60419)
627	253ENG20246	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Lê Thùy Trang (25057)
628	253ENG20247	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Nguyễn Đức Huy (61708)
629	253ENG20249	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Thạch Thị Quách Thi (60666)
630	253ENG20250	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
631	253ENG20251	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Võ Huyền Trinh (61247)
632	253ENG20252	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH107	Võ Huyền Trinh (61247)
633	253ENG20253	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Nguyễn Đức Huy (61708)
634	253ENG20254	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Lê Thùy Trang (25057)
635	253ENG20255	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Nguyễn Thị Ngọc Duyên (60941)
636	253ENG20256	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Châu Thị Khánh Linh (25045)
637	253ENG20257	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Ngô Huệ Nghi (60753)
638	253ENG20258	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Nìm Ngọc Yến (25056)
639	253ENG20259	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH111	Trần Thị Ngọc Châu (60920)
640	253ENG20260	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	10	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Nguyễn Châu Long (60817)
641	253ENG20261	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Phạm Duy Phương (60717)
642	253ENG20262	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Phạm Duy Phương (60717)
643	253ENG20263	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Nìm Ngọc Yến (25056)
644	253ENG20264	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Hoàng Tiểu Nga (60478)
645	253ENG20265	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Phạm Duy Phương (60717)
646	253ENG20268	Tiếng Anh giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	09h40	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH112	Đào Thị Trường Xuân (60919)
647	253ENG33501	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BPH107	Bùi Thị Thanh Hương (61266)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
648	253ENG32301	Tiếng Anh nghe - nói 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	4	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	DPH015	Thạch Thị Quách Thi (60666)
649	253ENG32401	Tiếng Anh nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	1	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Thái Nguyễn Tố Loan (60729)
650	253ENG32407	Tiếng Anh nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	3	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Phạm Duy Phương (60717)
651	253ENG32501	Tiếng Anh nghe - nói 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH011	Timothy James Rossiter (60565)
652	253ENG32201	Tiếng Anh ngữ pháp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Năm	26/11/2026	DPH015	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
653	253ENG43501	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Vương Phương Dung (60384)
654	253ENG43502	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3,00	Đại học	Văn bằng 2 chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	17h50	Thứ Hai	16/11/2026	DPH016	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
655	253ENG43503	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3,00	Đại học	Văn bằng 2 chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	17h50	Thứ Hai	16/11/2026	DPH016	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
656	253ENG43504	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3,00	Đại học	Văn bằng 2 chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	17h50	Thứ Tư	25/11/2026	DPH016	Đỗ Thị Bích Thủy (25011)
657	253ENG34701	Tiếng Anh viết 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	11	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH013	Lưu Nguyễn Hà Vy (60883)
658	253ENG34702	Tiếng Anh viết 1	3,00	Đại học	Văn bằng 2 chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	19h30	Thứ Hai	16/11/2026	DPH016	Ngô Tấn Hiệp (25098)
659	253ENG32901	Tiếng Anh viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Nguyễn Thị Mơ (60472)
660	253ENG32903	Tiếng Anh viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	8	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Nguyễn Thị Mơ (60472)
661	253ENG32905	Tiếng Anh viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Trần Xuân Trang (60913)
662	253ENG33001	Tiếng Anh viết 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 75	7	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Nguyễn Ngô Tam Hoàng (61022)
663	253ENG33003	Tiếng Anh viết 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 75	4	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Châu Thục Quyên (61658)
664	253ENG33005	Tiếng Anh viết 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tự luận 75	4	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Châu Thục Quyên (61658)
665	253KOR31701	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	4	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH013	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
666	253KOR31703	Tiếng Hàn đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH013	Nguyễn Thị Xuân Anh (25078)
667	253KOR32401	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	19	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH007	Lê Đặng Tường Vy (60466)
668	253KOR32403	Tiếng Hàn đọc - viết 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	12	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH007	Lưu Nhuệ Bang (60587)
669	253KOR42301	Tiếng Hàn đọc 7	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Bài tập lớn	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Lê Đặng Tường Vy (60466)
670	253KOR20202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	5	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
671	253KOR20203	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	8	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Mai Nguyễn Thiên Hương (60317)
672	253CHI42901	Tiếng Hán hiện đại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
673	253CHI42902	Tiếng Hán hiện đại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	8	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
674	253KOR31301	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	5	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Baek Myeongjin (60471)
675	253KOR31401	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	9	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Lưu Nhuệ Bang (60587)
676	253KOR31403	Tiếng Hàn nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	5	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Jung Hye Gyung (25170)
677	253KOR32301	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	18	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH009	Jung Hye Gyung (25170)
678	253KOR32303	Tiếng Hàn nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	14	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	BPH009	Jung Hye Gyung (25170)
679	253KOR33001	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	11	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH008	Baek Myeongjin (60471)
680	253KOR33003	Tiếng Hàn nghe - nói 6	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	6	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	BPH008	Baek Myeongjin (60471)
681	253KOR30901	Tiếng Hàn ngữ pháp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Lưu Nhuệ Bang (60587)
682	253KOR43101	Tiếng Hàn ngữ pháp 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BMT002	Lưu Nhuệ Bang (60587)
683	253KOR43301	Tiếng Hàn ngữ pháp nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH015	Phan Thị Hạnh (60144)
684	253JAP44601	Tiếng Nhật công sở	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	11	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Trần Thị Thanh Hằng (60334)
685	253JAP35001	Tiếng Nhật đọc - viết 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
686	253JAP45001	Tiếng Nhật đọc - viết 5	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Trương Thanh Tùng (60283)
687	253JAP45201	Tiếng Nhật đọc - viết 7	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Nguyễn Công Nguyên (25084)
688	253JAP49401	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH015	Võ Thị Minh Diễm (61539)
689	253JAP34501	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
690	253JAP34901	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	7	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
691	253JAP34903	Tiếng Nhật nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	9	13h30	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Phan Thị Kim Hiện (60461)
692	253JAP44201	Tiếng Nhật nghe - nói 6	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	DPH015	Cao Thị Phương Thảo (25042)
693	253JAP44301	Tiếng Nhật nghe - nói 7	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	2	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
694	253JAP49603	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	12	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Võ Thị Minh Diễm (61539)
695	253JAP49607	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	5	08h00	Thứ Hai	16/11/2026	DPH015	Hồ Thị Minh Hiền (60679)
696	253JAP34701	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH013	Nguyễn Công Nguyên (25084)
697	253JAP35101	Tiếng Nhật ngữ pháp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH108	Thái Phương Thảo (61526)
698	253JAP46301	Tiếng Nhật ngữ pháp 6	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Nguyễn Công Nguyên (25084)
699	253JAP49701	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	17	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH010	Trần Thị Thanh Hằng (60334)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
700	253JAP46501	Tiếng Nhật nhà hàng - khách sạn	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH009	Thái Phương Thảo (61526)
701	253JAP47401	Tiếng Nhật viết 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	15h10	Thứ Hai	23/11/2026	BPH010	Cao Thị Phương Thảo (25042)
702	253CHI20301	Tiếng Trung giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
703	253CHI20302	Tiếng Trung giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
704	253CHI20303	Tiếng Trung giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	3	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
705	253CHI20304	Tiếng Trung giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
706	253CHI20305	Tiếng Trung giao tiếp 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	5	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Tấn Trường An (60353)
707	253CHI20201	Tiếng Trung giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	11	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH108	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
708	253CHI20202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH108	Phạm Thị Diễm Chi (60099)
709	253CHI41801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
710	253CHI41802	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	16	13h30	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Lê Nguyễn Hoàng Anh Tuấn (61332)
711	253CHI45701	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
712	253CHI45702	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	12	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
713	253CHI45703	Tiếng Trung Quốc dịch nói 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	14	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	DPH015	Nguyễn Hình Mỹ Thanh (61157)
714	253CHI45801	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	18	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Phan Thành Nhật (60751)
715	253CHI42001	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
716	253CHI42002	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	9	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
717	253CHI43901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
718	253CHI43902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
719	253CHI43903	Tiếng Trung Quốc dịch viết 2	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
720	253CHI45901	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Phan Thành Nhật (60751)
721	253CHI45902	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	DPH015	Lê Thanh Thu (60457)
722	253CHI34901	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	11	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH015	Huỳnh Thị Hoa (61122)
723	253CHI34903	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	5	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	DPH015	Huỳnh Thị Hoa (61122)
724	253CHI35001	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
725	253CHI35003	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	12	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Lê Ngọc Anh Thư (60371)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
726	253CHI35005	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	12	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
727	253CHI35007	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	10	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH017	Nguyễn Tuyết Hạnh (60627)
728	253CHI35009	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
729	253CHI35011	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	2	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Lê Ngọc Anh Thư (60371)
730	253CHI46001	Tiếng Trung Quốc marketing	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	6	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
731	253CHI46002	Tiếng Trung Quốc marketing	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	3	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Diệp Tuyết Vân (60342)
732	253CHI34501	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	10	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
733	253CHI34503	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	5	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
734	253CHI34601	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
735	253CHI34603	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
736	253CHI34605	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	2	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
737	253CHI34607	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	13	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH009	Xiong Lan Ying (61474)
738	253CHI34701	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	11	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
739	253CHI34703	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	10	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
740	253CHI34705	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	8	13h30	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
741	253CHI34801	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	26	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
742	253CHI34803	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Vấn đáp	17	13h30	Thứ Tư	18/11/2026	BPH008	Huỳnh Thị Hoa (61122)
743	253CHI34101	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Ji Xiang Hua (25121)
744	253CHI34103	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Ji Xiang Hua (25121)
745	253CHI34201	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Hoàng Tố Nguyên (60572)
746	253CHI34203	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Hoàng Tố Nguyên (60572)
747	253CHI34205	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	2	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Phạm Thành Anh (60571)
748	253CHI34207	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Phạm Thành Anh (60571)
749	253CHI34401	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	10	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Ji Xiang Hua (25121)
750	253CHI34403	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	7	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Ji Xiang Hua (25121)
751	253CHI34405	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	13	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Ji Xiang Hua (25121)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
752	253CHI34407	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	6	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Ji Xiang Hua (25121)
753	253CHI34409	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	09h40	Thứ Năm	26/11/2026	DPH004	Quách Thị Diệu Hằng (61574)
754	253CHI33701	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	16	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
755	253CHI46101	Tiếng Trung Quốc văn phòng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	11	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Hoàng Văn Cường (25128)
756	253CHI44301	Tiếng Trung tổng hợp nâng cao	4,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	1	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH014	Ngô Thị Minh Thùy (61172)
757	253LIT31101	Tiếp nhận văn học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Huỳnh Thị Mai Trinh (04010)
758	253LOG41801	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Quản trị chuỗi cung ứng_TKT	Tổng hợp	18	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH014	Nguyễn Thị Phương Thư (61412)
759	253BUS10102	Tinh thần khởi nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	2		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Tuyết Nhung (02009)
760	253BUS10115	Tinh thần khởi nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Nguyễn Thị Thắm (61746)
761	253NAS20201	Toán cao cấp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	3	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Tống Mỹ Thanh (60051)
762	253NAS20202	Toán cao cấp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Tống Mỹ Thanh (60051)
763	253NAS20204	Toán cao cấp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	7	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Tống Mỹ Thanh (60051)
764	253NAS20205	Toán cao cấp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Tự luận 90	8	09h40	Thứ Tư	18/11/2026	DPH015	Tống Mỹ Thanh (60051)
765	253PSY44202	Trị liệu hệ thống	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tiểu luận	1		Thứ Sáu	27/11/2026		Trần Thị Thu Vân (04115)
766	253POL10501	Triết học Mác - Lênin	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
767	253POL10502	Triết học Mác - Lênin	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
768	253POL10503	Triết học Mác - Lênin	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	5	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
769	253POL10504	Triết học Mác - Lênin	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
770	253POL10505	Triết học Mác - Lênin	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	15h10	Thứ Hai	16/11/2026	BMT006	Đoàn Thị Huế (05049)
771	253POL10901	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	36	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
772	253POL10902	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	14	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Dương Đức Hưng (05005)
773	253POL10903	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Dương Đức Hưng (05005)
774	253POL10904	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Dương Đức Hưng (05005)
775	253POL10905	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Dương Đức Hưng (05005)
776	253POL10906	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Dương Đức Hưng (05005)
777	253POL10907	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Dương Đức Hưng (05005)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
778	253POL10908	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Tạ Trần Trọng (05003)
779	253POL10909	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	10	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Tạ Trần Trọng (05003)
780	253POL10910	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Tạ Trần Trọng (05003)
781	253POL10911	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
782	253POL10912	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
783	253POL10913	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	6	08h00	Thứ Hai	23/11/2026	BMT002	Tạ Trần Trọng (05003)
784	253POL10914	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	12	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Tạ Trần Trọng (05003)
785	253POL10915	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Tạ Trần Trọng (05003)
786	253POL10916	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	16	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
787	253POL10917	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
788	253POL10918	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
789	253POL10919	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	7	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
790	253POL10920	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
791	253POL10921	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	13	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
792	253POL10922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	9	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
793	253POL10923	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	8	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	DMT011	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
794	253POL10924	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	11	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
795	253POL10925	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	12	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Nguyễn Hữu Vượng (05006)
796	253POL10926	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Trần Đình Ánh (60931)
797	253POL10927	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
798	253POL10928	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Lê Thị Ngọc Thúy (05008)
799	253POL10930	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
800	253POL10931	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Trắc nghiệm	2	09h40	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Võ Thị Hồng Hiếu (61005)
801	253LAW41501	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	11	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Lê Nhật Bảo (61365)
802	253LAW41502	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	6	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
803	253LAW40701	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	9	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH005	Nguyễn Mạnh Cường (60801)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
804	253LAW40702	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Luật và Luật quốc tế	Tổng hợp	4	15h10	Thứ Năm	26/11/2026	BPH005	Lê Thị Hồng Thơm (60694)
805	253JAP48801	Từ vựng học tiếng Nhật	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	12	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH011	Cao Thị Phương Thảo (25042)
806	253CHI44801	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
807	253CHI44802	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Năm	19/11/2026	BPH105	Nguyễn Ánh Trường Sơn (60910)
808	253ACC30403	Ứng dụng Excel trong kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Thực hành	1	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026		Phan Thị Trà Mỹ (02139)
809	253ACC30501	Ứng dụng phần mềm kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 75	3	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BMT006	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
810	253ACC30503	Ứng dụng phần mềm kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 75	3	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BMT006	Phan Thị Trà Mỹ (02139)
811	253ACC30507	Ứng dụng phần mềm kế toán	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kế toán Tài chính	Tự luận 75	9	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BMT006	Huỳnh Thị Trúc Thanh (60872)
812	253ART38101	Ứng dụng Piano đệm	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Nghệ thuật	Thực hành	1	09h00	Thứ Sáu	27/11/2026		Nông Văn Hiếu (60986)
813	253SOS10201	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	11	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Võ Thị Thảo Nguyên (61753)
814	253SOS10202	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Đặng Quốc Minh Dương (11002)
815	253SOS10203	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Phan Trần Tuyên (60059)
816	253SOS10204	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	3	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	BMT006	Phan Trần Tuyên (60059)
817	253SOS10205	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	16	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Lê Thị Ánh Nguyệt (60929)
818	253SOS10206	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	6	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Võ Thị Thảo Nguyên (61753)
819	253SOS10207	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	7	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Dương Thị Loan (60190)
820	253SOS10208	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	7	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Dương Thị Loan (60190)
821	253SOS10209	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
822	253SOS10210	Văn hiến Việt Nam	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Du lịch_TDLSK	Trắc nghiệm	5	13h30	Thứ Hai	23/11/2026	DMT010	Châu Nữ Hoàng Yến (61676)
823	253ENG49301	Văn hóa Anh - Mỹ	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Tổng hợp	3	13h30	Thứ Ba	17/11/2026	BPH009	Nguyễn Thị Tấn (25151)
824	253JAP35301	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	4	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Trương Thanh Tùng (60283)
825	253JAP35303	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế	Trắc nghiệm	7	08h00	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Đỗ Thị Thu Hiền (60727)
826	253LIT31801	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Lê Thụy Tường Vi (61730)
827	253LIT31802	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	3	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Lê Thụy Tường Vi (61730)
828	253LIT31803	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1930	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	1	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Lê Thụy Tường Vi (61730)
829	253LIT32101	Văn học Việt Nam từ sau 1975	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	10	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Phạm Thị Hương (04042)

STT	Lớp học phần	Tên học phần	Số TC	Bậc ĐT	Hệ ĐT	Khoa chủ quản	HT Thi	Số SV	Giờ thi	Thứ	Ngày thi/nộp Báo cáo, Tiểu luận	Phòng thi	GV dạy
830	253LIT32102	Văn học Việt Nam từ sau 1975	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 60	7	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Phạm Thị Hương (04042)
831	253NAS20401	Vật lý đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	8	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Đoàn Văn Thuần (61383)
832	253NAS20402	Vật lý đại cương	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 90	5	08h00	Thứ Tư	18/11/2026	BPH111	Đoàn Văn Thuần (61383)
833	253NUR20402	Vật lý và y sinh học	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	1	08h00	Thứ Tư	25/11/2026	BPH010	Võ Văn Hải (60837)
834	253BIO30601	Vi sinh học	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 75	5	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH010	Đinh Thị Thùy (02162)
835	253FOT30901	Vi sinh thực phẩm	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ ứng dụng_TKT	Tự luận 90	25	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Phạm Thị Hải Hà (61524)
836	253PUR42501	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	5	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Phạm Thị Hương (04042)
837	253PUR42502	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Phạm Thị Hương (04042)
838	253PUR42503	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Phạm Thị Hương (04042)
839	253PUR42504	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	2	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Phạm Thị Hương (04042)
840	253PUR42505	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	7	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
841	253PUR42506	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	3	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
842	253PUR42507	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	8	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
843	253PUR42508	Viết và biên tập tin	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Truyền thông_TNVKHXH	Tự luận 60	5	08h00	Thứ Ba	17/11/2026	BPH104	Đoàn Nguyễn Thùy Trang (61670)
844	253SOC43801	Xã hội học văn hóa	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Khoa học xã hội_TNVKHXH	Tự luận 90	2	15h10	Thứ Sáu	20/11/2026	BPH010	Bùi Thị Phương Hạ (60177)
845	253INT449101	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Công nghệ thông tin	Trắc nghiệm	3	09h40	Thứ Năm	19/11/2026	BMT004	Tôn Thất Hoài (61098)
846	253ELE44401	Xử lý số tín hiệu	3,00	Đại học	Chính quy	Khoa Kỹ thuật ứng dụng_TKT	Tự luận 60	2	09h40	Thứ Hai	16/11/2026	BPH013	Hồ Quốc Bảo (60932)
847	253NUR41701	Y học cổ truyền	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	4	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Lý Hải Phượng (61313)
848	253NUR41702	Y học cổ truyền	2,00	Đại học	Chính quy	Khoa Y Dược_TDLSK	Trắc nghiệm	2	15h10	Thứ Năm	19/11/2026	BPH010	Nguyễn Thị Tuyết Nga (61648)

Ghi chú:

- Sinh viên xem Lịch thi chi tiết (ngày thi, giờ thi) tại Cổng thông tin sinh viên (http://portal.vhu.edu.vn/);

- Sinh viên phải hoàn thành học phí để đủ điều kiện dự thi;

- Sinh viên phải mang theo Thẻ Sinh viên hoặc Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực và có mặt trước giờ thi 15 phút để làm thủ tục dự thi;

*- Đối với các hình thức thi: báo cáo, bài tập lớn, biểu diễn, đồ án, khóa luận, thực hành, tiểu luận, Sinh viên nộp bài theo thời gian tại cột " **Ngày thi** ";*

- Ngày dự kiến cập nhật điểm lên hệ thống là 10 ngày kể từ ngày Giảng viên nộp điểm về TT. KT&ĐBCL, Sinh viên thường xuyên vào Portal để kiểm tra các thông tin liên quan;

- Mọi thông tin liên quan, vui lòng liên hệ tổng đài 18001568 để được hỗ trợ giải đáp.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐT (để b/c);
- Các Khoa/Viện (để t/h);
- Các ban: QLĐT, QLCSVC, TC; TT. CSNH (để phối hợp t/h);
- Lưu VT, TT. KT&ĐBCL.

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

(Đã ký)

Trần Thị Hoàng Yến